

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính: VND

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 37816
Giờ	Ngày 14 tháng 11 năm 13

TÀI SẢN

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,459,544,951,558	2,321,042,641,597
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	37,534,864,776	27,875,810,695
1. Tiền	111		37,534,864,776	27,875,810,695
2. Các khoản tương đương tiền	112			-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		886,907,661,978	823,630,805,013
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	886,907,661,978	823,630,805,013
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		794,358,553,052	636,535,254,500
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	647,641,723,396	526,065,356,386
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	69,912,538,457	62,162,293,766
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	79,993,517,354	49,856,086,619
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(3,189,226,155)	(1,548,482,271)
IV. Hàng tồn kho	140		679,296,088,264	764,414,655,942
1. Hàng tồn kho	141	V.7	741,098,720,697	827,827,490,574
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(61,802,632,433)	(63,412,834,632)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		61,447,783,488	68,586,115,447
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	979,776,636	539,540,533
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		29,551,873,637	31,409,583,677
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.22	116,941,605	352,310,342
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	30,799,191,610	36,284,680,895



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		669,707,875,765	561,937,473,538
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			-
4. Phải thu dài hạn khác	218			-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			-
II. Tài sản cố định	220		457,930,217,075	380,361,705,424
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	355,234,135,495	314,158,130,687
<i>Nguyên giá</i>	222		689,501,074,241	590,280,999,025
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(334,266,938,746)	(276,122,868,338)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			-
<i>Nguyên giá</i>	225			-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226			-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	50,110,038,445	50,244,239,045
<i>Nguyên giá</i>	228		51,757,172,240	51,703,029,840
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,647,133,795)	(1,458,790,795)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	52,586,043,135	15,959,335,692
III. Bất động sản đầu tư	240			-
<i>Nguyên giá</i>	241			-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242			-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		167,085,700,072	138,457,388,108
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	174,921,405,540	140,257,242,690
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	7,545,267,990	9,200,574,651
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(15,380,973,458)	(11,000,429,233)
V. Tài sản dài hạn khác	260		44,691,958,618	43,118,380,006
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	43,488,496,993	41,914,918,381
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	1,203,461,625	1,203,461,625
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,129,252,827,323	2,882,980,115,135

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,803,029,246,827	1,662,998,091,207
I. Nợ ngắn hạn	310		1,803,029,246,827	1,662,998,091,207
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	1,144,590,252,319	1,195,139,342,758
2. Phải trả người bán	312	V.20	354,202,397,379	188,475,477,191
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	6,831,326,706	8,172,039,188
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	30,443,792,013	16,790,816,810
5. Phải trả người lao động	315	V.23	52,205,160,921	30,600,152,260
6. Chi phí phải trả	316	V.24	5,519,936,669	16,568,749,962
7. Phải trả nội bộ	317			-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	104,541,115,959	113,001,379,372
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.26	43,100,000,000	43,100,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	61,595,264,861	51,150,133,666
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			-
II. Nợ dài hạn	330			-
1. Phải trả dài hạn người bán	331			-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			-
3. Phải trả dài hạn khác	333			-
4. Vay và nợ dài hạn	334			-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,326,223,580,496	1,219,982,023,928
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,326,223,580,496	1,219,982,023,928
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	614,049,130,000	475,112,730,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	190,492,000,000	190,492,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.28	(36,897,215,355)	(36,897,215,355)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	558,579,665,851	591,274,509,283
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-
1. Nguồn kinh phí	432			-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3,129,252,827,323	2,882,980,115,135

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)		1,501,710.19		921,396.45	
Euro (EUR)		276.51		284.70	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 11 năm 2013



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		161,702,498,716	160,136,281,241
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,V.12	59,127,556,531	44,458,458,170
- Các khoản dự phòng	03	V.6,V.8,V.16	4,411,085,910	17,916,891,674
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.13	(74,488,438,780)	(25,174,248,357)
- Chi phí lãi vay	06	V.14	50,555,604,976	31,959,754,808
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		201,308,307,353	229,297,137,536
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(150,281,959,804)	(124,992,491,108)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		86,728,769,877	(107,433,298,223)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		144,253,935,112	69,275,441,819
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2,013,814,715)	(25,181,605,058)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.14,V.24	(51,274,392,697)	(32,830,041,270)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(21,081,728,771)	(25,562,904,651)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		143,852,000	1,500,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(9,501,535,538)	(11,742,824,752)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		198,281,432,817	(27,670,585,707)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11,V.12,V.13	(93,697,862,670)	(49,560,282,746)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(336,100,000,000)	(597,510,123,274)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		296,621,928,000	138,500,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.14,	(34,664,162,850)	(54,102,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5,V.13	34,378,193,484	18,967,599,690
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(133,461,904,036)	(543,704,806,330)



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	3,728,376,055,787	2,251,608,808,732
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19	(3,784,074,773,165)	(1,894,960,600,632)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(45,914,564,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(55,698,717,378)</i>	<i>310,733,644,100</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		9,120,811,403	(260,641,747,937)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	27,875,810,695	294,581,518,046
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		538,242,678	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	37,534,864,776	33,939,770,109



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 12 tháng 11 năm 2013


Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ III		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM		Đơn vị tính: VND
			Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	1.166,156,408,401	1.012,431,143,688	3.321,517,795,520	2.743,256,794,404	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	-	1.013,175,400	8,201,563,708	1,725,730,643	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	1.166,156,408,401	1.011,417,968,288	3.313,316,231,812	2,741,531,063,761	
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	1,044,835,718,354	906,480,534,185	2,970,897,702,039	2,427,123,950,341	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		121,320,690,047	104,937,434,103	342,418,529,773	314,407,113,420	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	30,583,903,380	21,675,812,548	85,117,063,848	57,778,198,947	
7. Chi phí tài chính	22	VL4	31,622,401,355	10,264,481,926	67,824,681,280	38,680,935,629	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		22,940,400,348	8,862,195,262	50,555,604,976	31,959,754,808	
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	56,965,121,194	56,694,871,306	166,431,136,810	148,987,826,050	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	12,435,675,793	10,987,264,017	34,453,387,422	29,229,645,500	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		50,881,395,085	48,666,629,402	158,826,388,109	155,286,905,188	
11. Thu nhập khác	31	VL7	4,889,831,456	324,053,657	5,063,734,268	6,440,229,986	
12. Chi phí khác	32	VL8	438,222,146	134,532,286	2,187,623,661	1,590,853,933	
13. Lợi nhuận khác	40		4,451,609,310	189,521,371	2,876,110,607	4,849,376,053	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		55,333,004,395	48,856,150,773	161,702,498,716	160,136,281,241	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	12,098,718,600	9,726,251,429	35,729,440,415	28,824,530,623	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		43,234,285,795	39,129,899,344	125,973,058,301	131,311,750,618	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9					



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 11 năm 2013



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý III năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 04 - 05 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các ao nuôi cá, mua sắm tài sản cố định và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Quỹ khen thưởng, phúc lợi nhằm mục đích khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 30/09/2013 : 21.036 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.440.229.185	2.550.644.567
Tiền gửi ngân hàng	36.094.635.591	25.325.166.128
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>37.534.864.776</u>	<u>27.875.810.695</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm (*)	774.240.977.578	738.217.050.780
Cho Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 vay	112.666.684.400	85.413.754.233
Cộng	<u>886.907.661.978</u>	<u>823.630.805.013</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn trị giá 600 tỷ VNĐ đã được dùng cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	54.247.295.972	15.708.435.457
Các khách hàng nước ngoài	593.394.427.424	510.356.920.929
Cộng	<u>647.641.723.396</u>	<u>526.065.356.386</u>

Một số khoản phải thu đã được thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng HSBC chi nhánh TPHCM và ngân hàng Standard Chartered Việt Nam chi nhánh TPHCM.

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp tài sản cố định	17.396.356.550	60.446.825.826
Các nhà cung cấp nguyên vật liệu	52.516.181.907	1.715.467.940
Cộng	<u>69.912.538.457</u>	<u>62.162.293.766</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 - phải thu tiền hàng thu hộ	19.146.419.910	13.993.287.253
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 - phải thu nguyên vật liệu cho mượn		12.014.280.000
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 - lãi cho vay phải thu	892.366.779	2.080.359.673
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) - phải thu tiền hàng thu hộ		1.134.084.600
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - phải thu tiền hàng xuất khẩu ủy thác	2.204.677.980	3.351.641.760
CTTNHH 1TV CBTPXK VẠN ĐỨC TG - Lãi ứng trước tiền hàng		
Lãi tiền gửi ngân hàng	57.730.888.888	17.208.333.333
Các khoản phải thu khác	19.163.797	74.100.000
Cộng	<u>79.993.517.354</u>	<u>49.856.086.619</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	2.116.372.092	475.628.208
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.072.854.063	1.072.854.063
Cộng	<u>3.189.226.155</u>	<u>1.548.482.271</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	-	42.843.196.000
Nguyên vật liệu	49.077.528.223	61.535.215.170
Công cụ, dụng cụ	3.180.383.360	2.557.566.625
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	376.712.089.083	385.020.665.825
Thành phẩm	312.120.743.218	328.401.709.990

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng hóa	7.976.813	35.117.252
Hàng gửi đi bán	-	7.434.019.712
Cộng	<u>741.098.720.697</u>	<u>827.827.490.574</u>

Một số hàng tồn kho đã được thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng HSBC chi nhánh TPHCM và ngân hàng Standard Chartered Việt Nam chi nhánh TPHCM.

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	63.412.834.632
Hoàn nhập dự phòng	(1.610.202.199)
Số cuối kỳ	<u>61.802.632.433</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí công cụ dụng cụ

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	30.687.085.610	33.584.680.895
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	112.106.000	2.700.000.000
Cộng	<u>30.799.191.610</u>	<u>36.284.680.895</u>

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	225.308.859.595	352.871.266.919	10.907.497.041	1.193.375.470	590.280.999.025
Tăng trong năm	65.721.426.900	31.859.065.949	2.636.252.638	-	100.216.745.487
<i>Đầu tư XD CB</i>	22.333.831.945	8.762.384.231	-	-	31.096.216.176
<i>Mua sắm mới</i>	43.387.594.955	23.096.681.718	2.636.252.638	-	69.120.529.311
Giảm trong năm	(39.620.182)	(886.295.629)	-	(70.754.460)	(996.670.271)
Số cuối kỳ	<u>290.990.666.313</u>	<u>383.844.037.239</u>	<u>13.543.749.679</u>	<u>1.122.621.010</u>	<u>689.501.074.241</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	56.239.572.247	213.970.736.987	4.997.963.166	914.595.938	276.122.868.338
Khấu hao trong năm	20.768.810.519	36.881.797.339	1.179.189.740	109.415.933	58.939.213.531
Giảm khấu hao	(25.264.620)	(713.457.379)	-	(56.421.124)	(795.143.123)
Số cuối kỳ	<u>76.983.118.146</u>	<u>250.139.076.947</u>	<u>6.177.152.906</u>	<u>967.590.747</u>	<u>334.266.938.746</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	169.069.287.348	138.900.529.932	5.909.533.875	278.779.532	314.158.130.687
Số cuối kỳ	<u>214.007.548.167</u>	<u>133.704.960.292</u>	<u>7.366.596.773</u>	<u>155.030.263</u>	<u>355.234.135.495</u>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 307.325.401.913 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	51.027.800.050	675.229.790	51.703.029.840
Mua trong năm	54.142.400	-	54.142.400
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối kỳ	51.081.942.450	675.229.790	51.757.172.240
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	926.761.551	532.029.244	1.458.790.795
Khấu hao trong năm	157.374.603	30.968.397	188.343.000
Số cuối kỳ	1.084.136.154	562.997.641	1.647.133.795
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	50.101.038.499	143.200.546	50.244.239.045
Số cuối kỳ	49.997.806.296	112.232.149	50.110.038.445

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá là 14.067.767.850 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí cho các ao nuôi cá	14.292.825.909	17.736.300.623	(27.599.508.037)	4.429.618.495
Đất mua chưa hoàn tất thủ tục	-	45.602.468.000	-	45.602.468.000
Xây dựng cơ bản dở dang khác	1.666.509.783	962.832.932	(75.386.075)	2.553.956.640
Cộng	15.959.335.692	64.301.601.555	(27.674.894.112)	52.586.043.135

14. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 ⁽ⁱ⁾	6.945.375	52.003.709.506	6.945.375	52.003.709.506
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) ⁽ⁱⁱ⁾		8.651.533.184		8.651.533.184
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 ⁽ⁱⁱⁱ⁾		79.300.000.000		79.300.000.000
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 ^(iv)		305.000.000		302.000.000
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 ^(v)		34.661.162.850		-
Cộng		174.921.405.540		140.257.242.690

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000070 ngày 04 tháng 4 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 03 ngày 21 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 69.950.040.000 VND, tương đương 69,95% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

69.453.749.913 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 496.290.494 VND.

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ với số tiền là USD 499,912.00.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 03 ngày 01 tháng 02 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 số tiền 79.300.000.000 VND, tương đương 99,13% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 305.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 71.695.000.000 VND.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 140171196 ngày 02 tháng 12 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 25 tháng 05 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 68.000.000.000 VND, tương đương 85% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 34.661.162.850 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 33.338.837.150 VND.

15. Đầu tư dài hạn khác

Cho vay vốn trong thời hạn 30 tháng.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng đầu tư khoản lỗ của các Công ty con.

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ và chi phí khác	32.317.994.248	10.604.266.789	(7.357.343.891)	35.564.917.146
Tiền thuê đất	9.596.924.133	-	(1.673.344.286)	7.923.579.847
Cộng	41.914.918.381	10.604.266.789	(9.030.688.177)	43.488.496.993

18. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng		
- Ngân hàng Standard Chartered ⁽¹⁾	21.444.455.171	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp		41.656.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương	1.088.398.977.680	1.055.450.122.563

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾</i>		
- Ngân hàng Natixis - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh		98.033.220.195
-		
- Ngân hàng HSBC TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	34.746.819.468	-
Cộng	<u>1.144.590.252.319</u>	<u>1.195.139.342.758</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng Standard Chartered TPHCM để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được thế chấp bằng bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố một số tài khoản tiền gửi có kỳ hạn; thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng HSBC - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được thế chấp bằng bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

Số đầu năm	1.195.139.342.758
Số tiền vay phát sinh	3.728.376.055.787
Chênh lệch tỷ giá	5.149.626.939
Số tiền vay đã trả	<u>(3.784.074.773.165)</u>
Số cuối kỳ	<u>1.144.590.252.319</u>

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	352.240.586.133	185.852.797.892
Các nhà cung cấp nước ngoài	1.961.811.246	2.622.679.299
Cộng	<u>354.202.397.379</u>	<u>188.475.477.191</u>

21. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	1.977.137.602	1.025.569.698
Các khách hàng nước ngoài	4.854.189.104	7.146.469.490
Cộng	<u>6.831.326.706</u>	<u>8.172.039.188</u>

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	32.881.857.929	(32.881.857.929)	-
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(300.710.342)	405.263.409	(221.494.672)	(116.941.605)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.603.438.145	35.729.440.415	(21.081.728.771)	30.251.149.789
Thuế thu nhập cá nhân	1.187.378.665	1.053.953.195	(2.048.689.636)	192.642.224

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Tiền thuê đất	-	1.410.401.879	(1.410.401.879)	-
Các loại thuế khác	(51.600.000)	765.008.954	(713.408.954)	-
Cộng	16.438.506.468	72.245.925.781	(58.357.581.841)	30.326.850.408

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	05%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

Lương tháng 09 và lương tháng 13 còn phải trả nhân viên.

24. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	1.094.738.905	1.813.526.626
Tiền thuê đất phải trả		2.659.206.667
Chi phí luật sư		5.165.344.000
Chi phí vận chuyển	1.221.160.000	3.144.895.440
Chi phí khác	3.204.037.764	3.785.777.229
Cộng	5.519.936.669	16.568.749.962

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	28.260.000	28.260.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	6.728.007.887	6.172.989.756
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	1.287.166.545	1.983.775.356
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang – phải trả tiền hàng	46.786.572.622	103.191.208.579

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
nhận ủy thác xuất khẩu		
Công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 2 – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	48.877.465.749	-
Các khoản phải trả khác	833.643.156	1.625.145.681
Cộng	<u>104.541.115.959</u>	<u>113.001.379.372</u>

26. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ liên quan đến POR9.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	46.049.652.308	15.522.501.238	(3.987.423.380)	57.584.730.166
Quỹ phúc lợi	5.100.481.358	4.209.000.495	(5.298.947.158)	4.010.534.695
Cộng	<u>51.150.133.666</u>	<u>19.731.501.733</u>	<u>(9.286.370.538)</u>	<u>61.595.264.861</u>

28. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm	475.112.730.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	591.274.509.283	1.219.982.023.928
Lợi nhuận trong năm				125.973.058.301	125.973.058.301
Trích các quỹ trong năm				- (19.731.501.733)	(19.731.501.733)
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	138.936.400.00			- (138.936.400.000)	-
Số dư cuối kỳ	<u>614.049.130.000</u>	<u>190.492.000.000</u>	<u>(36.897.215.355)</u>	<u>558.579.665.851</u>	<u>1.326.223.580.496</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	61.404.913	47.511.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	61.404.913	47.511.273
- Cổ phiếu phổ thông	61.404.913	47.511.273
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.198.750	1.198.750
- Cổ phiếu phổ thông	1.198.750	1.198.750
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.206.163	46.312.523
- Cổ phiếu phổ thông	60.206.163	46.312.523
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2013	Năm 2012
Tổng doanh thu	3.321.517.795.520	2.743.256.794.404
- Doanh thu bán hàng hóa	748.198.328.737	377.055.228.402
- Doanh thu bán thành phẩm	2.138.253.830.557	1.919.756.115.217
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.742.977.640	32.941.321.358
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	6.867.673.281	20.813.604.464
- Doanh thu bán phụ phẩm	389.454.985.305	392.690.524.963
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(8.201.563.708)	(1.725.730.643)
- Giảm giá hàng bán	(2.501.181.200)	(296.621.431)
- Hàng bán bị trả lại	(5.700.382.508)	(1.429.109.212)
Doanh thu thuần	3.313.316.231.812	2.741.531.063.761
Trong đó:		-
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	748.190.667.937	377.050.881.875
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	2.131.892.791.649	1.918.074.507.937
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	38.742.977.640	20.813.604.464
- Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu	6.867.673.281	32.941.321.358
- Doanh thu thuần bán phụ phẩm	387.622.121.305	392.650.748.127

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2013	Năm 2012
Giá vốn hàng hóa	721.971.504.321	345.284.978.408
Giá vốn thành phẩm	1.880.596.377.603	1.666.444.336.803
Giá vốn nguyên liệu	6.847.869.303	18.287.867.610
Giá vốn phụ phẩm	363.092.153.011	379.189.875.846
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.610.202.199)	17.916.891.674
Cộng	2.970.897.702.039	2.427.123.950.341

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2013	Năm 2012
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	60.239.916.853	10.565.899.765
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	113.560.437	346.546.204
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	10.492.506.000
Lãi tiền cho vay	9.552.358.493	-
Lãi ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	4.696.163.434	4.115.842.592
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.515.064.631	32.257.404.386
Cộng	85.117.063.848	57.778.198.947

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí lãi vay	50.555.604.976	31.959.754.808
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	4.380.544.225	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.888.532.079	6.721.180.821
Cộng	67.824.681.280	38.680.935.629

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí nhân viên	4.871.772.269	4.867.963.108
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	94.611.125	36.003.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.338.490.601	89.168.920.491
Chi phí khác	66.126.262.815	54.914.938.827
Cộng	166.431.136.810	148.987.826.050

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí nhân viên quản lý	13.709.493.606	13.227.792.827
Chi phí đồ dùng văn phòng	934.827.707	850.619.731
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.246.442.574	3.032.033.152
Thuế, phí và lệ phí	1.653.580.634	567.894.866
Chi phí dịch vụ mua ngoài	221.897.000	1.227.282.658
Chi phí khác	13.687.145.901	10.324.022.266
Cộng	34.453.387.422	29.229.645.500

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2013	Năm 2012
Các khoản nợ không phải trả	16.283.562	5.842.779.195
Thu nhập khác	5.047.450.706	597.450.791
Cộng	5.063.734.268	6.440.229.986

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2013	Năm 2012
Thuế bị phạt, bị truy thu	16.821.428	206.121.739
Chi phí khác	2.170.802.233	1.384.732.194
Cộng	2.187.623.661	1.590.853.933

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	
Mua nguyên vật liệu	13.265.107.960
Bán hàng hóa	644.571.543
Các cá nhân có liên quan	
Mua nguyên vật liệu	7.902.250.300
Bán hàng hóa	286.575.046

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	19.198.773.247	18.361.247.350
Các cá nhân có liên quan	-	-
Cộng nợ phải thu	19.198.773.247	18.361.247.350
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	3.340.034.560	348.033.320
Các cá nhân có liên quan	-	5.019.916.900
Cộng nợ phải trả	3.340.034.560	5.367.950.220

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Công ty con
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	Công ty con
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Công ty con
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4	Công ty con
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	Công ty con
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do người có liên quan với Chủ tịch HĐQT Công ty tham gia góp vốn
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	
Mua hàng hóa, tài sản, dịch vụ	855.728.898.680

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>
Bán hàng hóa, thành phẩm phụ phẩm	527.927.328.534
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	
Mua hàng hóa, dịch vụ	2.253.328.243
Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	42.065.003.319
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	144.067.859.600
Cho vay ngắn hạn	157.452.930.167
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	
Bán thành phẩm, hàng hóa	1.122.009.261.892
Bán hàng ủy thác xuất khẩu	249.598.024.229
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	
Mua hàng hóa, dịch vụ	10.043.436.598
Bán hàng hóa, nguyên vật liệu, DV, thành phẩm	9.975.988.541
Giá trị hàng giao ủy thác xuất khẩu	5.889.914.318
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	15.127.630.168
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	
Bán nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm, DV	23.153.516.672
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	425.060.543.804
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	82.035.311.398

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
CÔNG NỢ PHẢI THU		
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1		
Phải thu nguyên vật liệu cho mượn		12.014.280.000
Phải thu tiền hàng thu hộ	19.146.419.910	13.993.287.253
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2		
Phải thu tiền cho vay	112.666.684.400	85.413.754.233
Phải thu lãi cho vay	892.366.779	2.080.359.673
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	34.966.371.042	1.615.631.616
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)		
Phải thu tiền hàng	449.973.681.010	324.366.303.454
Phải thu tiền hàng thu hộ		1.134.084.600
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải thu tiền hàng	1.248.118.143	-
Phải thu tiền hàng ủy thác xuất khẩu	2.204.677.980	3.351.641.760
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải thu tiền hàng, lãi ứng trước tiền hàng và phí ủy thác xuất khẩu	-	1.748.081.409
CÔNG NỢ PHẢI TRẢ		
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1		
Phải trả tiền hàng	213.265.166.604	117.302.513.016
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2		

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	48.877.465.749	
Phải trả tiền hàng	1.200.000	
<i>Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</i>		
Phải trả tiền chi hộ	1.893.240	138.735.040
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	1.287.166.545	1.983.775.356
Phải trả tiền hàng	-	1.585.592.652
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải trả tiền hàng	2.339.760.474	-
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	46.786.572.622	103.191.208.579

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 11 năm 2013



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CTY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
(VINHHOAN CORP.)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 252/ 2013-CV-VH
"V/v giải trình biến động của báo
cáo kết quả kinh doanh"

TP.Cao Lãnh, ngày 12 tháng 11 năm 2013

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

ĐẾN

Số: 57815

Giờ: Ngày 14 tháng 11 năm 13

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn xin được giải trình chênh lệch biến động giảm của kết quả hoạt động kinh doanh Quý III năm 2013 so với Quý III năm 2012 như sau:

ĐVT: VNĐ

Chi tiêu	Quý III/2013	Quý III/2012	chênh lệch (%)
Doanh thu thuần	1.166.156.408.401 VNĐ	1.011.417.968.288 VNĐ	+ 15,3 %
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	43.234.285.795 VNĐ	39.129.899.344 VNĐ	+10,5 %

Chênh lệch biến động lợi nhuận sau thuế tăng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do khoản thu nhập từ tiền hoàn thuế môi trường đã nộp năm 2012.

Trên đây là giải trình của Công ty gửi đến Quý cơ quan.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VP



TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH